

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **11** /2026 CV/VCS-QHCD

V/v: Giải trình chênh lệch báo cáo kết quả kinh
doanh riêng công ty mẹ Quý IV năm 2025

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”) mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty giải trình biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng công ty mẹ Quý IV năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 chi tiết như sau:

I. Chênh lệch một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Quý IV/2025	Quý IV/2024	Chênh lệch	% chênh
10	Doanh thu thuần	1.014.569.811.989	1.026.619.080.150	(12.049.268.161)	(1,17)
11	Giá vốn hàng bán	775.290.748.020	784.826.855.722	(9.536.107.702)	(1,22)
20	Lợi nhuận gộp	239.279.063.969	241.792.224.428	(2.513.160.459)	(1,04)
21	Doanh thu hoạt động tài chính	38.131.750.523	24.867.339.416	13.264.411.107	53,34
22	Chi phí tài chính	12.236.289.954	15.940.195.578	(3.703.905.624)	(23,24)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	11.290.205.597	7.928.497.341	3.361.708.256	42,40
25	Chi phí bán hàng	44.842.345.725	41.847.289.778	2.995.055.947	7,16
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.667.820.370	13.698.620.157	(4.030.799.787)	(29,42)
31	Thu nhập khác	281.013.918	64.620.000	216.393.918	334,87
32	Chi phí khác	5.748.295.020	1.443.463.209	4.304.831.811	298,23
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	205.197.077.341	193.794.615.122	11.402.462.219	5,88
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.085.143.354	30.778.166.121	4.306.977.233	13,99
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	170.111.933.987	163.016.449.001	7.095.484.986	4,35



II. Nguyên nhân biến động

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự biến động về lợi nhuận sau thuế riêng công ty mẹ trong Quý IV/2025 được phân tích theo từng chỉ tiêu cụ thể như sau:

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 12.049.268.161 đồng (1,17%) do số lượng thành phẩm, hàng hóa bán ra giảm.
2. Giá vốn bán hàng giảm 9.536.107.702 đồng (1,22%). Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 2.513.160.459 đồng (1,04%)
3. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 13.264.411.107 đồng (53,34%), nguyên nhân:
 - Lãi tiền gửi, tiền cho vay tăng 10.525.753.915 đồng.
 - Lãi chênh lệch tỷ giá tăng 2.738.657.192 đồng.
4. Chi phí tài chính giảm: 3.703.905.624 đồng (23,24%) do lỗ chênh lệch tỷ giá giảm: 7.016.638.147 đồng, chi phí lãi vay tăng: 3.361.708.256 đồng.
5. Chi phí bán hàng tăng: 2.995.055.947 đồng (7,16%), nguyên nhân chính:
 - Chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ tăng: 2.965.820.640 đồng.
 - Chi phí nhân viên bán hàng tăng: 1.227.507.086 đồng.
 - Chi phí dịch vụ mua ngoài giảm: 3.677.683.666 đồng.
 - Chi phí bằng tiền khác tăng: 2.507.710.783 đồng.
6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tăng: 4.306.977.233 đồng (13,99%)

Như vậy, các yếu tố nêu trên đã dẫn đến sự biến động không đáng kể của lợi nhuận sau thuế riêng công ty mẹ của Công ty.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Ban QHCD.
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Trí Dũng